LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI CHUNG CỦA EU

Bùi Việt Hưng
Viện Nghiên cứu Châu Âu

Chính sách Thương mại chung (CCP) và Biểu Thuế quan ngoại khối chung (CET) được thiết lập theo điều 110-116 của Hiệp ước Rome với mục tiêu đầu tiên thiết lập quy tắc ứng xử giống nhau giữa các nước thành viên trong các quan hệ thương mại song phương, đa phương đã và đang góp phần tạo cho EU trở thành đối tác thương mại hàng đầu thế giới. Với tiềm lực kinh tế ngày càng cao, Chính sách Thương mại chung làm cho EU ngày càng khẳng định được vai trò và vị thế của mình trên trường quốc tế (Chiếm 1/5 kim ngạch thương mại toàn cầu) trong việc giải quyết các tranh chấp và hợp tác thương mại.

Bài viết này, chúng tôi tập trung nghiên cứu, phân tích chặng đường phát triển của một Chính sách Thương mại chung cùng với những công cụ của nó. Tìm hiểu và làm rõ hơn Chính sách Thương mại chung là gì ? Cơ sở hình thành chính sách này là do đâu, cũng như cơ chế vận hành và tác động của chính sách này tới các hoạt động thương mại chung của EU.

I. Chính sách thương mại của EU- Những chặng đường phát triển

Trải qua 50 năm hình thành và phát triển, Liên minh Châu Âu đã đạt được những kết quả tương đối khả quan trong việc theo đuổi mục tiêu hội nhập và phát triển kinh tế của mình. Với mục đích thúc đẩy tăng trưởng phát triển kinh tế thông qua việc loại bỏ các rào cản giữa các nước thành viên, thúc đẩy cạnh tranh, nâng cao năng lực sản xuất được coi là tiền đề hình thành cho một Chính sách Thương mại chung.

Những thành công bước đầu về một thị trường đơn nhất 1/1/1993, việc tự do di chuyển con người, hàng hoá, dịch vụ và vốn được coi là tiền đề cho phép EU thực hiện một chương trình đầy hoài bão là phát triển kinh tế với vấn đề gắn kết xã hội. Cùng với những thành công về một thị trường đơn nhất, Hiệp ước Masstricht bắt đầu có hiệu lực vào 1/11/1993, đánh dấu những bước tiến hơn nữa trong Chính sách Thương mại chung của EU. Những cam kết đa phương, song phương đã được sử dụng một cách hữu hiệu trong đường lối đối ngoại của Liên minh Châu Âu, cho phép EU tập hợp sức mạnh, tạo một tiếng nói chung trong diễn đàn toàn cầu, trong các vấn đề thương lượng và giải quyết các tranh chấp thương mại toàn cầu.

Xu thế toàn cầu hoá, khu vực hoá ngày càng gia tăng buộc EU phải thay đổi những định chế, thể chế thương mại vốn đã rất cứng

nhắc cho phù hợp với khuôn khổ hợp tác thương mại quốc tế với các nước, các khu vực trên toàn thế giới. Những thay đổi đó ngày càng tạo cho EU thiết lập được mạng lưới quan trọng và chặt chẽ hơn trong chiến lược phát triển kinh tế. Các thoả thuận thương mại là những ưu đãi (quy chế tối huệ quốc) cũng là một đòn bẩy thúc đẩy hoạt động thương mại của cả nội khối và ngoại khối của EU.

Như vậy, ngay từ khi ký kết hiệp ước Rome vào ngày 25/3/1957, ý thức được mục tiêu và tầm quan trọng của một Chính sách Thương mại chung không chỉ trong phát triển kinh tế thương mại trong Khối, mà hoài bão đặt ra cho các nhà sáng lập EU là cần phải có ngay một chính sách mà qua đó EU có thể củng cố và phát huy sức mạnh của mình trên trường quốc tế. Trên cơ sở nền móng với những hoài bão như vậy, các quốc gia thành viên đã thống nhất tạo lập nên một Chính sách Thương mại chung (CCP) và Biểu Thuế quan ngoại khối chung (CET) theo điều 110-116 của Hiệp ước Rome.

Trên cơ sở phân tích và đánh giá những lợi thế so sánh cũng như những rào cản thương mại trong quan hệ buôn bán thương mại giữa các nước thành viên cũng như với các đối tác thương mại khác, một biểu thuế quan ngoại Khối chung CET đã được tạo lập. Sau Thế chiến thứ II, mô hình phát triển kinh tế, thương mại của các nước thành viên EU mang đặc trưng từ một hình thức thương mại bảo hộ chuyển dần sang một dạng chính sách thương mại tương đối tự do. Giai đoạn đầu của tiến trình này, các quốc gia bắt đầu tự do hoá một số lĩnh vực thương mại hàng hoá trong các quan hệ đối tác thương mại tạo lập nên các thoả ước hội nhập khu vực (Regional Intergration Agreements - RIAs). Tuy nhiên, những thoả ước hội nhập như vậy không thể tạo lập nên một khối kinh tế đồng nhất, chính vì vậy việc thành lập một liên minh thuế quan với việc xoá bỏ dần các hàng rào quan thuế của từng nước với nhau chính là mục tiêu hướng tới của Biểu Thuế quan ngoại khối chung CET. Đây chính là điểm khác biệt căn bản của Chính sách Thương mại chung EU khi so sánh và nhìn nhận với các khu vực mậu dịch tự do khác.

Mức độ hội nhập kinh tế của Liên minh Châu Âu được thể hiện từ cấp thấp, đó là chế độ bảo hộ mậu dịch với hàng hoá nhập khẩu giữa các nước thành viên, tiến tới một mức độ cao hơn đó là một liên minh quan thuế. Ngày 11-12-1991 các nước thành viên EU chính thức ký Hiệp ước Masstricht, đặt nền tảng vững chắc hơn nữa về sự thống nhất kinh tế và tiền tệ trong cộng đồng. Thoả thuận Masstricht tiếp tục đưa ra các hoạt động nhằm tiến tới thống nhất về chính sách kinh tế tiền tệ cũng như các chính sách về đối nội, đối ngoại, các vấn đề về an ninh xã hội.

Có thể thấy ngay từ bước đầu thành lập Chính sách Thương mại chung, Liên minh Châu Âu đã thể hiện những hoài bão, tham vọng của mình trong việc thiết lập và hoàn thiện hệ thống thương mại toàn cầu. Vị thế và tầm quan trọng của EU ngày càng được khẳng định. Với Chính sách Thương mại chung của mình, EU lần lượt tham gia và tổ chức các diễn đàn đối thoại các vấn đề thương mại quốc tế. Ngay từ vòng đàm phán

thương mại Kenedy năm 1964- 1967, với vai trò là nhà đàm phán, Chính sách Thương mại chung đã góp phần tích cực trong việc hoàn thiện cơ chế thuế quan, hạn ngạch cho các sản phẩm công nghiệp và dịch vụ không chỉ trong nội bộ Khối mà còn là kim chỉ nam thiết lập hệ thống thương mại đa phương giữa các đối tác trên toàn thế giới, là nhân tố thúc đẩy các dòng chảy thương mại đầu tư, góp phần tích cực vào tiến trình toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới.

Kế tiếp những thành công trong vòng đàm phán thương mại Kenedy, Liên minh Châu Âu bắt tay vào vòng Tokyo (1973-1979). Trong vòng đàm phán này, chính sách thương mại của EU tiếp tục được hoàn thiện khi đề cập tới các vấn đề thương mại mới như trợ cấp, chống phá giá và các rào cản thương mại. Trong giai đoạn này, cơ chế bảo hộ thương mại giữa các quốc gia đang ngày càng có xu hướng gia tăng bởi những tác động cả về đối nội cũng như đối ngoại. Về đối nội, đó là các vấn đề như những thay đổi về cơ cấu sản xuất ngành công nghiệp đã dẫn tới sự gia tăng về tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động. Các tác động ngoại cảnh diễn biến trên toàn thế giới như giá dầu tăng, cơ chế thả nổi tỷ giá giữa các đồng tiền lúc đó được xem như là nhân tố bất ổn cho nền kinh tế thế giới. Với những tác động như vậy, đặc trưng cơ bản khi đó của hầu hết các nước châu Âu là sự đình trệ kinh tế. Để khôi phục và phát triển kinh tế, các nước thành viên châu Âu lại lựa chọn giải pháp là thực hiện chế độ bảo hộ và dựng lên các hàng rào thương mại.

Cuối năm 1968, các chỉ số phát triển kinh tế của các nước đã có những dấu hiệu tích cực, chính sách bảo hộ nền thương mại của các nước thành viên dần được xoá bỏ, Hội đồng Bộ trưởng các nước thành viên đã một lần nữa nhóm họp để đệ trình một danh sách các mặt hàng sản xuất công nghiệp được phép nhập khẩu vào EU mà không phải chịu bất cứ một hạn ngạch nào. Khái niệm kiềm chế về số lượng trong chính sách thương mại của EU cũng theo đó được hoàn thiện và phát triển thêm. Trong thời gian này, mỗi thành viên khi muốn sử dụng chính sách thương mại riêng của mình về việc áp đặt chế độ hạn ngạch thì phải chứng minh được sản phẩm nhập khẩu vào quốc gia đó có làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình sản xuất trong nước hay không, trên cơ sở đó Uỷ ban Thương mại sẽ có những quy định riêng phê chuẩn cho các vấn đề này.

Tiếp theo thời kỳ này, trong hầu hết các chương trình nghị sự bàn về chính sách thương mại, Uỷ ban Châu Âu chủ yếu xoay quanh các vấn đề như làm thế nào xoá bỏ hơn nữa các hàng rào thương mại, các rào cản phi thuế quan giữa các nước thành viên.

Các rào cản phi thuế quan (non - tariff barrier - NTBs) được hiểu là các hàng rào kỹ thuật được áp dụng bởi mỗi quốc gia trong các buôn bán thương mại nhằm hạn chế về số lượng hàng nhập khẩu vào quốc gia đó. Những rào cản này không phải là sự hiện hữu của các hạn mục thuế quan mà chính là những quy định tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, nguồn gốc xuất xứ của các loại sản phẩm.

Chính vì vậy trong suốt một thời gian dài từ những năm đầu của thập kỷ 70 cho tới cuối nhưng năm 80, Chính sách Thương mại chung của EU bị chi phối bởi các hàng rào thương mại thuế quan và phi thuế quan. Giai đoạn này có thể được coi là giai đoạn các nhà hoạch định chính sách EU phải đau đầu nhất về những chỉ trích trên trường quốc tế về một pháo đài bảo hộ nền sản xuất trong nước. Những chỉ trích này chỉ giảm đi khi EU chính thức vận hành và áp dụng hai công cụ thương mại mới trong chính sách thương mại của mình vào cuối năm 1984. Hai công cụ thương mại này được xem như những đổi mới căn bản của Chính sách Thương mại chung của EU trong việc giải quyết những tranh chấp thương mại trên trường quốc tế, đặc biệt là quan hệ thương mại với các quốc gia kém phát triển. Hai công cụ trên là những điều khoản bổ sung trong Hiệp ước Thành lập thị trường đơn nhất châu Âu năm 1993, cho phép EU sửa đổi các điều khoản về các hàng rào thương mại cũng như những thay đổi về cơ chế áp đặt thuế chống bán phá giá và các cơ chế không công bằng trong trợ cấp xuất khẩu. Đánh giá về những thay đổi căn bản trong Chính sách Thương mại chung của EU lúc bấy giờ, các chuyên gia kinh tế cho biết, hai công cụ mới được áp dụng được coi như luồng sinh khí mới làm thay đổi căn bản các hoạt động thương mại nội Khối giữa các nước thành viên EU, là nhân tố chính thúc đẩy các dòng chảy thương mại nội Khối cũng như thúc đẩy hơn nữa các tiến trình đàm phán thương mại song phương, đa phương giữa Liên minh Châu Âu với các quốc gia trên toàn thế giới. Trên cơ sở phân tích và đánh giá những mặt đạt được và chưa đạt được của chính sách này, những đánh giá chung về Chính sách Thương mại chung từ khi được thiết lập trong điều ước 110- Hiệp ước Rome đều chung một quan điểm là Chính sách Thương mại chung của EU chưa thể hoàn thiện được khi EU chưa xây dựng xong một thị trường đơn nhất. Và do vậy, có thể coi việc thành lập thị trường đơn nhất với những đặc trưng của nó là hòn đá tảng cho sự thay đổi của Chính sách Thương mại chung.

Từ thị trường đơn nhất tới Hiệp ước Masstricht

Như phân tích ở trên, mặc dù tại Rome, các quốc gia thành viên sáng lập đã tâm huyết xây dựng một Chính sách Thương mại chung và một biểu thuế quan ngoại khối chung, song những gì đạt được trong suốt một thời gian dài có thể thấy việc duy trì những lợi ích thương mại của từng quốc gia thành viên vẫn còn khá đậm nét, thể hiện rõ rệt trong các chương trình bảo hộ thương mại, các hàng rào phi thuế quan... Chính vì vậy, sự vận hành của Chính sách Thương mại chung với một liên minh quan thuế đã có những bước đi khá chậm và không có hiệu quả trong việc thúc đẩy mức độ tự do hoá thương mại.

Một điều hiển nhiên mà mỗi quốc gia thành viên đều dễ dàng nhận thấy, đó là chính sách bảo hộ của mình đã tạo ra những mức độ phân mảng thị trường, và đây chính là những hạn chế trong việc gia tăng chi phí thương mại, làm giảm động lực gắn kết và khai thác lợi ích chung trong một thị trường chung. Theo đánh giá trong một công trình nghiên cứu của Uỷ ban Châu Âu, việc xoá bỏ các rào cản thương mại giữa các nước thành

viên sẽ làm GDP của EU tăng lên 0,3%. Trên cơ sở công trình này, việc thay đổi và hoàn thiện một Chính sách Thương mại chung đã một lần nữa được các nước thành viên đề cập. Tuy nhiên những thay đổi này chỉ được vận hành khi trong nội bộ các nước thành viên EU chính thức cùng nhau áp dụng điều khoản thương mại mới được đề ra đó là nguyên tắc thừa nhận lẫn nhau và nguyên tắc không phân biệt đối xử trong điều 12 của hiệp ước EC.

Với những lập luận trên, những bất cập và hạn chế trong Chính sách Thương mại chung chính là động lực để Uỷ ban Châu Âu bắt tay vào chương trình thành lập thị trường đơn nhất. Với một thị trường đơn nhất được thiết lập năm 1992 cũng có nghĩa chính sách thương mại của EU đã có những bước thay đổi căn bản, tạo lập nên những nguyên tắc cho một thị trường đơn nhất đó là một khu vực dựa trên bốn quyền tự do căn bản: tự do lưu chuyển hàng hoá, con người, dịch vụ và vốn.

Sau khi hoàn thiện chương trình thị trường đơn nhất với việc thông qua Hiệp ước Masstricht vào ngày 10/12/1991 và bắt đầu có hiệu lực vào năm 1993, các nước thành viên EU lại bắt tay vào các chương trình ký kết các thoả thuận thương mại với các đối tác, các khu vực trên thế giới. Các thoả thuận hợp tác thương mại đó được hình thành theo các hình thức tương đối phong phú và đa dạng, đó là:

- Các hiệp định liên kết trên nền tảng cơ bản là cho phép các đối tác thương mại thâm nhập miễn thuế vào thị trường EU. Trên cơ sở đó hình thành các khu vực mậu dịch tự do. Hình thức này EU áp dụng chủ yếu cho các đối tác thương mại tiềm năng sẽ trở thành thành viên EU.

- Các hiệp định thương mại ưu đãi. Với các hiệp định này, EU cho phép các bạn hàng được xâm nhập với các mức thuế ưu đãi.

- Các hình thức liên kết đặc biệt. Với hình thức này, EU dành cho 70 nước ở châu Phi, vùng Caribê và Thái Bình Dương (Các nước ACP) được xâm nhập miễn thuế và miền hạn ngạch trên diện rộng các loại sản phẩm vào thị trường EU.

Với việc tạo lập một cách đa dạng các thoả thuận, hiệp định thương mại cũng như những tác động về phía các đối tác thương mại trong quan hệ buôn bán thương mại, chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy những điều chỉnh căn bản của Chính sách Thương mại chung - đó là sự điều chỉnh về tiến trình tự do hoá thương mại tới tự do hoá về lĩnh vực dịch vụ và sở hữu trí tuệ và cuối cùng là những nhượng bộ về phía EU trong các chính sách về trợ cấp và hạn chế nhập khẩu mặt hàng nông sản.

Sự hoàn thiện và phát triển của Chính sách Thương mại chung cũng đồng nghĩa nó đóng một vai trò và chi phối chính sách đối ngoại chung của EU trong quan hệ đối tác chiến lược với các quốc gia và khu vực trên toàn thế giới, làm tăng cao vị thế của EU trong việc đàm phán, chi phối và thúc đẩy tiến trình tự do hoá thương mại.

Từ Mastricht tới Lisbon

Liên minh Châu Âu EU với vai trò nổi bật trong việc giải quyết các vấn đề chính trị thế giới nói chung cũng như thiết lập và thúc

đẩy tiến trình tự do hoá thương mại, đầu tư đã và đang gặp nhiều thách thức. Việc giải quyết các vấn đề này trong khuôn khổ của một Chính sách Thương mại chung được nhìn nhận là những vấn đề còn tồn tại theo bề rộng của chính sách (Chính sách ngoại thương). EU thực hiện với các đối tác, các khu vực khác thông qua các hiệp định, thoả thuận thương mại... với các nhóm chính sách như: chính sách khuyến khích xuất khẩu, thay thế nhập khẩu, tự do hoá thương mại, hạn chế xuất khẩu tự nguyện. Sự vận hành của Chính sách Thương mại chung và một Biểu Thuế quan ngoại Khối chung với mục tiêu đóng góp và thúc đẩy vì một lợi ích chung đối với sự phát triển đồng bộ nền thương mại thế giới, xoá bỏ các rào cản thương mại, các rào cản thuế quan giữa các nước, các thành viên trong hệ thống thương mại toàn cầu, thúc đẩy sự phát triển đồng bộ, bền vững các hoạt động kinh tế, thúc đẩy và nâng cao hơn nữa sự gắn kết các chỉ tiêu kinh tế, việc làm và các vấn đề xã hội giữa các nước thành viên cũng đang đặt ra những thách thức lớn cần phải giải quyết theo chiều sâu của chính sách. Hơn lúc nào hết, sau khi thị trường đơn nhất được thành lập, việc cải cách và phát triển chính sách thương mại phải tạo được động lực không chỉ đưa khu vực EU trở thành một thị trường năng động hấp dẫn hơn đối với các đối tác thương mại mà còn trở thành động lực gắn kết phát triển thương mại với tăng trưởng bền vững nền kinh tế toàn Khối. Đây chính là một trong ba trọng tâm lớn trong chiến lược tăng trưởng và việc làm được biết đến với tên gọi Chương trình nghị sự Lisbon tháng 3-2000, một lần nữa nhấn mạnh về tác động và vai trò của chính sách thương mại nội Khối đối với nền kinh tế chung của toàn Khối.

II. Các công cụ thương mại của Chính sách Thương mại chung

1. Hệ thống ưu đãi phổ cập GSP

Có thể nhận thấy, trong những nỗ lực không mệt mỏi của mình, Liên minh Châu Âu EU đã và đang tích cực nâng cao vị thế và quyền hạn của mình trong việc xây dựng và hoàn thiện chương trình thương mại tự do toàn cầu. Tuy nhiên trên thực tế, việc nhìn nhận những đóng góp này ngoài ý nghĩa tích cực thì những quan điểm chỉ trích từ các đối tác thương mại cũng không ngừng gia tăng. Những quy chế khắt khe về nguồn gốc, chất lượng sản phẩm... được phép nhập khẩu vào EU cũng đang là đề tài được khá nhiều học giả đánh giá chung là chương trình bảo hộ thương mại của EU đã phần nào tạo cho khu vực này ngày càng trở thành một pháo đài châu Âu. Song trên thực tế, sau những nỗ lực của mình, thuật ngữ chung để chỉ sự bất khả xâm phạm trong lĩnh vực thương mại đã dần được giảm bớt thông qua các chương trình, lộ trình cắt giảm thuế quan của EU đối với các mặt hàng công nghiệp đang ở mức thấp nhất trên toàn thế giới. Theo báo cáo của Tổ chức Thương mại thế giới, biểu thuế quan trung bình của thế giới đối với hàng hoá sản xuất, kể từ khi kết thúc Thế chiến thứ 2 cho tới đầu những năm 90, đã giảm từ 46% xuống còn 3%.

Cùng với biểu thuế suất đánh vào hàng nhập khẩu, cho tới nay, một trong những công cụ hiện hữu mà EU dành cho các đối tác thương mại, đặc biệt là các quốc gia chậm phát triển, đó là chế độ ưu đãi phổ cập GSP. Về căn bản, hệ thống ưu đãi phổ cập GSP được hiểu là những ưu đãi về mức thuế quan của EU dành cho các đối tác thương mại với mình mà không đòi hỏi đối tác của mình phải nhượng bộ cho hàng hoá của EU khi thâm nhập trở lại thị trường đối tác.

Căn cứ để áp đặt mức thuế suất trong GSP đối với các sản phẩm nhập khẩu chính là độ nhạy cảm của sản phẩm. Nhìn chung, để đánh giá các sản phẩm nhập khẩu vào EU là nhậy cảm hay không nhậy cảm, về cơ bản hiện nay vẫn được EU đánh giá thông qua đặc tính của từng sản phẩm. Và như vậy đối với các mặt hàng công nghiệp có xuất xứ từ các nước đang phát triển, khi thâm nhập vào thị trường EU được hưởng GSP thì có mức thuế suất bằng 0. Về cơ bản, bất kể một hàng hoá nào nhập khẩu vào EU, nếu muốn được hưởng GSP thì những tiêu chí bắt buộc đó là:

Các hàng hoá khi nhập khẩu vào thị trường EU phải được sản xuất toàn bộ hoặc một phần theo những quy định bắt buộc của EU tại những nước được hưởng lợi. Nguyên tắc này đặt ra với mục tiêu làm hạn chế sự chệch hướng thương mại, tức là ngăn chặn các nước phát triển ngoài khu vực EU sử dụng các nước được hưởng lợi về ưu đãi thuế quan để xuất khẩu hàng hoá vào EU. Những quy định về xuất xứ sản phẩm nhập khẩu đơn giản có thể hiểu như sau: Các sản phẩm đó phải được sản xuất tại nước được hưởng GSP với trị giá sản xuất phải đạt tới 60% của sản phẩm. Tuy nhiên tỷ lệ này có thể thay đổi theo từng nhóm mặt hàng (với các loại hàng điện tử, điều hoà, tủ lạnh tỷ lệ này xuống tới 40%)... Ngoài ra, để tạo thuận lợi cho các nước hưởng lợi, đôi khi có thể đạt được những tiêu chí khá cao mà EU đã đặt ra, một hình thức mở rộng cho tiêu chí này cũng đang được phát triển đó là quy định về xuất xứ cộng gộp, theo đó các mặt hàng nhập khẩu từ nước hưởng lợi có một phần xuất xứ từ một nước khác trong cùng một khu vực cũng có thể được hưởng GSP của EU.

Như vậy thông qua GSP, một công cụ hiện hữu của Chính sách Thương mại chung, cho tới nay EU đã tạo ra được một mạng lưới thương mại bao trùm trên toàn thế giới. Các mạng lưới thương mại này được gắn kết một cách chặt chẽ với nhau, thể hiện dưới các hình thức thoả thuận hợp tác thương mại song phương và đa phương. Sau những gì bất cập mà bước đầu GSP không thể đạt được, tức là mức hạn ngạch được áp đặt, thì giờ đây GSP của EU đã căn bản được thay đổi bởi các mức thuế quan khác nhau áp đặt cho từng loại sản phẩm nhập khẩu.

2. Các rào cản phi thuế quan - NTBs

Các rào cản phi thuế quan (non - tariff barrier -NTBs) được hiểu là những hàng rào kỹ thuật được áp dụng bởi mỗi quốc gia trong các buôn bán thương mại nhằm hạn chế về số lượng hàng nhập khẩu vào quốc gia đó. Theo đánh giá của giới chuyên môn, hiện nay hầu hết các mặt hàng nhập khẩu vào thị trường EU từ các đối tác thương mại nhìn

chung đều được hưởng những ưu đãi về biểu thuế quan CET. Song trên thực tế, chính những rào cản phi thuế quan còn hiện hữu không chỉ ở trong toàn Khối, mà đặc biệt còn thấy xuất hiện ở các nước thành viên đang là những cản trở lớn nhất mà các đối tác này gặp phải. Các rào cản phi thuế quan này hiện hữu dưới các hình thức như mức độ vệ sinh an toàn thực phẩm trong các sản phẩm nông nghiệp nhập khẩu hay mức độ về tiêu chuẩn quản lý môi trường cho mỗi loại sản phẩm, nhãn mác sản phẩm...

Trải qua các vòng đám phán thương mại, những thay đổi trong Chính sách Thương mại chung của EU đã thể hiện ngày càng rõ nét, đó là sự xoá bỏ một cách tích cực các hàng rào thuế quan, hạn ngạch nhập khẩu... giữa EU và các đối tác khác trên toàn thế giới. Tuy nhiên trên thực tế việc tiếp cận vào thị trường này đang ngày càng trở nên khó khăn hơn bởi những rào cản phi thuế quan đang có xu hướng gia tăng ngày càng nhanh với những quy định áp đặt cho các đối tác thương mại ngày càng cao.

3. Chống phá giá

Một trong những công cụ của Chính sách Thương mại chung nhằm bảo hộ cho các nhà sản xuất EU trước các hoạt động thương mại mà EU coi là không lành mạnh chính là thuế chống phá giá. Thuế chống phá giá là các mức thuế áp dụng cho hàng hoá nhập khẩu vào thị trường EU khi những hàng này được bán thấp hơn giá tại thị trường xuất xứ. Căn cứ theo các điều khoản quy định của WTO, EU chỉ được áp dụng thuế chống bán phá giá trong trường hợp các ngành công nghiệp của EU bị tổn hại nghiêm trọng do việc tăng nhanh sản phẩm nhập khẩu vào thị trường chung châu Âu hoặc do các hoạt động thương mại không lành mạnh gây ra. Theo nhìn nhận của giới chuyên môn, thuế chống phá giá được xem như là một công cụ phổ biến nhất trong chính sách thương mại của EU nhằm bảo hộ thương mại.

Tóm lại

Trong suốt chặng đường phát triển của Chính sách Thương mại chung (Common Commercial Policy - CCP) của Liên minh Châu Âu, chúng ta có thể nhận thấy đây có lẽ là một trong những chính sách thành công và hiệu quả nhất, là công cụ đắc lực cho phép EU tập trung được sức mạnh toàn Khối trong việc giải quyết, thúc đẩy tiến trình tự do hoá thương mại toàn cầu. Tuy nhiên, bên cạnh những thành công thì CCP cũng bộc lộ những khiếm khuyết mà trên thực tế chúng cần phải thay đổi và hoàn thiện hơn trong xu thế hội nhập và phát triển của nền kinh tế toàn cầu, đó là:

- Xét trên một khía cạnh nào đó, những ưu đãi của CCP mà EU dành cho các nước kém phát triển, một mặt mang lại cho EU khá nhiều thành công trong việc thiết lập mạng lưới quan hệ buôn bán rộng lớn với các nước các khu vực trên toàn thế giới, là công cụ đắc lực giúp cho các nước kém phát triển có thể thu hẹp khoảng cách nghèo đói với các nước phát triển, là nhân tố thúc đẩy sự gắn kết giữa các khu vực, thúc đẩy dòng chảy thương mại toàn cầu. Mặt khác ngày càng tạo

ra những mâu thuẫn với tiến trình tự do hoá thương mại đa phương, những thoả thuận này ngày càng vượt ra khỏi khuôn khổ WTO, là nhân tố gây ra những tổn hại, những bất đồng ngày càng sâu sắc giữa EU với các đối tác thương mại nằm ngoài những thoả thuận ưu đãi của EU.

• Trong khi chính sách thương mại của EU khá thành công trong việc cắt giảm mức thuế quan các hàng hoá nhập khẩu vào EU thì bên cạnh đó, sự xuất hiện các hàng rào phi thuế quan ngày càng có xu hướng gia tăng tạo cho EU trở thành một "pháo đài" đối với các hàng hoá từ các đối tác thương mại, đặc biệt là các nước kém phát triển, thâm nhập vào thị trường này.

Tuy còn những hạn chế nhất định, song chúng ta hoàn toàn tin tưởng rằng, trong một tương lai không xa, Chính sách Thương mại chung của EU sẽ có những cải cách đáng kể và trở thành một công cụ đắc lực hơn nữa giúp EU thực hiện được những hoài bão của mình./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Huy Khoát. *Chính sách cạnh tranh và việc bảo vệ thương mại của Liên hiệp Châu Âu*. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, Số 1/2004.

2. Carlo Altomonte. *Kinh tế và chính sách của EU mở rộng*, Nxb Chính trị Quốc gia, 2004.

3. Tài liệu hội thảo khoa học đề tài Nghiên cứu Khoa học cấp nhà nước. *Thị trường EU và các yêu cầu của thị trường EU đối với xuất khẩu của Việt Nam*, Đại học Ngoại thương, 2001.

4. *Xuất khẩu sang thị trường EU*. Cục Xúc tiến thương mại.

5. *"Kinh doanh với thị trường EU"* - Phòng Thương mại công nghiệp Việt Nam. Trung tâm thông tin, Phòng Thương mại Châu Âu tại Việt Nam, Hà Nội, 2002.

6. Hoàng Xuân Hoà. *Một số vấn đề về chính sách thương mại và hàng rào thương mại của Liên minh Châu Âu*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, Số 3/2000.

7. Matthew Mc Qeen (1999). *ACP - EU Trade Preferences in the 21st Century*, Intereconomics, Sep/Oct 1999.

8. Manfred Elsig (2002). *The EU's Common Commercial Policy*.

9. Maclean (2000). *EU trade barrier regulation*.

10. Cheryl Saunders (2002). *Trade and cooperation with the European Union in the New Millennium*.

11. Patrick A. Messerlin. *Measurring the costs of protection in Europe*

12. Mc Queen (2002). *EU preferential Market access Conditions for the Least Developed Countries*.